TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-09-2021
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Nam
Ông Nguyễn Duy Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thu H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: K325/99/18 đường H, tổ 11, phường V, quận T, thành phố Đ (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trương Minh Q**, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: K325/99/18 đường H, tổ 11, phường V, quận T, thành phố Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2021; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/7/2021; biên bản hòa giải ngày 02/7/2021; biên bản hòa giải ngày 13/7/2021 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thu H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thu H và ông Trương Minh Q có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân phường V, quận T, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà H và ông Q sống tại tổ 11, phường V, quận T, thành phố Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q là người gia trưởng, độc đoán, hay nhậu nhẹt, chửi bới vợ con, chơi cá độ, số đề,…đặc biệt không tôn trọng vợ và hay chửi vợ trước mặt mọi người, mỗi khi nóng giận thì ông Q có hành vi đánh đập vợ, con. Nay bà H xác định không còn tình cảm thương yêu ông Q, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Minh Q.

- *Về con chung*: Bà H xác định bà và ông Q có 02 người con chung là Trương Gia H1, sinh ngày 01/01/2009 và Trương Minh L, sinh ngày 21/12/2013. Tại đơn khởi kiện bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên hoà giải 13/7/2021 và tại phiên toà hôm nay, bà H xác định ông Q có nguyện vọng nuôi 01 người con thì bà H giao con Trương Gia H1, sinh ngày 01/01/2009 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng; bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Minh L, sinh ngày 21/12/2013. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung*: Bà H xác định bà và ông Q không có tài sản chung nên bà không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà H xác định bà và ông Q không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà nên bà không đề cập giải quyết.

***** *Theo bản tự khai ngày 25/6/2021; biên bản hòa giải ngày 02/7/2021; biên bản hòa giải ngày 13/7/2021, bị đơn là ông Trương Minh Q trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thu H về thời gian và điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa ông Q và bà H là hoàn toàn tự nguyện. Ông Q và bà H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bản thân ông Q là người sống vô tư, dẫn đến vô tâm, làm tổn thương vợ; đôi lúc do công việc căng thẳng nên ông Q có trút giận lên vợ con, ông có chửi, la mắng xúc phạm vợ trước mặt nhiều người; những lúc con hư thì ông Q có đánh con để răn dạy; mỗi lần bà H về quê thì ông Q không phải không cho về nhưng ông có hay nhăn nhó và cằn nhằn. Bà H là người phụ nữ chịu đựng, ít chia sẻ dẫn đến sự tổn thương tích tụ cho đến ngày hôm nay; khi bà H dọn ra ở riêng và dẫn con cái đi thì ông Q đã đi tìm khắp nơi, có nhắn tin xin lỗi bà H; bản thân ông đã nhận ra sai lầm của mình, mong bà H tha thứ và cho ông cơ hội sửa sai, ông Q không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con cái.

+ *Về con chung*: Ông Q xác định ông và bà H có 02 người con chung là Trương Gia H1, sinh ngày 01/01/2009 và Trương Minh L, sinh ngày 21/12/2013. Ông Q mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên vấn đề con chung không đề cập. Tại Biên bản hoà giải ngày 13/7/2021, ông Q trình bày, nếu phải ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Gia H1 và giao con Trương Minh L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho nên nào.

+ *Về tài sản chung*: Ông Q xác định ông và bà H không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Ông Q xác định ông và bà H không có nợ nần ai và không ai nợ vợ chồng ông bà nên không đề cập giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thu H về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" đối với ông Trương Minh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà Lê Thu H được ly hôn với ông Trương Minh Q.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con Trương Gia H1, sinh ngày 01/01/2009 cho ông Trương Minh Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trương Minh L, sinh ngày 21/12/2013 cho bà Lê Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Q xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Lê Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trương Minh Q có địa chỉ tại K325/99/18 đường Hùng V, tổ 11, phường V, quận T, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Bị đơn là ông Trương Minh Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Trương Minh Q.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thu H và ông Trương Minh Q có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường V, quận T, thành phố Đ vào ngày 24/7/2008; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà H và ông Q sinh sống ở nhiều nơi và hiện cư trú tại tổ 11, phường V, quận T, thành phố Đ. Theo bà H trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, ông Q có tính gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng vợ, hay chửi và xúc phạm vợ trước mặt mọi người. Để ổn định cuộc sống, bà Lê Thu H đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với ông Q. Còn về phía ông Q, quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải, ông thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do ông sống vô tư nên dẫn đến vô tâm, không quan tâm đến vợ, ông có uống bia, có chửi, la mắng và xúc phạm đến vợ; vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, ông đã nhiều lần nhắn tin xin lỗi bà H để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được bà H chấp nhận; ông có nguyện vọng được đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, cả bà H và ông Q đều xác định giữa vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, ông Q không tôn trọng và chửi, xúc phạm bà H trước mặt nhiều người, bà H và ông Q đã sống ly thân mỗi người một nơi. Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng thương yêu nhau và có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh tại địa phương nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà đã sống ly thân với nhau mỗi người một nơi là phù hợp với lời trình bày của cả bà H và ông Q; mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật, cuộc hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Lê Thu H là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H. Ông Trương Minh Q mặc dù ông có nguyện vọng đoàn tụ để vợ chồng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông vắng mặt tại phiên toà và không có giải pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, bà H không chấp nhận đề nghị đoàn tụ của ông và kiên quyết yêu cầu

Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông.

[4] Về con chung: Bà H và ông Q xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung là Trương Gia H1, sinh ngày 01/01/2009 và Trương Minh L, sinh ngày 21/12/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả bà H và ông Q đều có nguyện vọng được nuôi một người con nên cần giao con Trương Minh L, sinh ngày 21/12/2013 cho bà Lê Thu H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trương Gia H1, sinh ngày 01/01/2009 cho ông Trương Minh Q trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Hiện nay cả hai con chung đang ở với ông Q nên ông Q phải có nghĩa vụ giao con Trương Minh L cho bà H để bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H và ông Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Lê Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" của nguyên đơn là bà Lê Thu H đối với bị đơn là ông Trương Minh Q.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thu H được ly hôn với ông Trương Minh Q.

2. Về con chung: Giao con Trương Minh L, sinh ngày 21/12/2013 cho bà Lê Thu H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trương Gia H1, sinh ngày 01/01/2009 cho ông Trương Minh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Do con Trương Minh L đang ở với ông Q nên buộc ông Trương Minh Q phải giao con Trương Minh L cho bà Lê Thu H để bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thu H và ông Trương Minh Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà Lê Thu H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0009364 ngày 17/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết trích sao) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường V, quận T, thành phố Đ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện